

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1056/2024/DS-PT

Ngày: 24-12-2024

V/v tranh chấp thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tú Anh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn, Kiểm sát viên.

Từ ngày 17/12 đến ngày 24/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2024/TLPT-DS ngày 02/10/2024, về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 271/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3224/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị H: Bà **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm 1979; Địa chỉ: 3 (L) N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 19/10/2022, có mặt).

- Bị đơn: Ông **Ngô Cự V**, sinh năm 1983; Địa chỉ: 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Ngô Thị Minh L**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tỉnh Mie, Thành phố Y, Thị trấn T Japan (vắng mặt).

2. Ông **Ngô Cự Q**, sinh năm 1977; Địa chỉ: 3 tổ A ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị Minh L và ông Ngô Cự Q: Bà Nguyễn Thị Hồng Y (có căn cước nêu trên, theo văn bản ủy quyền ngày 12/06/2023 và ngày 09/6/2023, có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Ngô Cự V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị H có đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha bà H là ông Ngô B (chết năm 2014); mẹ bà H là bà Đặng Thị D (chết năm 2016). Cha, mẹ bà có 04 người con chung gồm: Ngô Thị Minh L (sinh năm 1973); Ngô Cự Q (sinh năm 1977); Ngô Thị H (sinh năm 1979); Ngô Cự V (sinh năm 1983). Ngoài ra, cha, mẹ bà không có người con chung hay con riêng nào khác. Hiện tại, hàng thừa kế thứ nhất của cha, mẹ bà còn lại 04 anh chị em gồm: Ngô Thị Minh L, Ngô Cự Q, Ngô Thị H và Ngô Cự V.

Sinh thời cha, mẹ bà có tạo lập được khối tài sản chung là diện tích còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6, (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) diện tích sau khi đo đạc thực tế còn lại là 1.172,8m², tại địa chỉ 31/6 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyền số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biên động này 30/12/2004). Phần diện tích đất mà cha, mẹ để lại hiện này do ông Q, ông V và bà H là những hàng thừa kế thứ nhất trực tiếp quản lý, sử dụng.

Ông B trước khi chết có để lại di chúc được lập ngày 05/12/2007 có chứng thực của UBND xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D chết không để lại di chúc.

Theo nội dung di chúc mà ông B để lại được phân chia cho các con như sau:

1. Bà L được hưởng phần đất: Ngang 8,1m x dài 14m (hiện đất còn trống);
2. Ông Q được hưởng phần đất: Ngang 10,5m x dài 25,6m. Hiện cha mẹ đã cho tiền cất nhà xong;
3. Bà H được hưởng phần đất: Ngang 8,1m x dài 14m hiện đất còn trống;
4. Ông V được hưởng phần đất: Ngang 10,5m x dài 25,6m. Trên thửa đất đó có mái nhà nhà nước cấp.

Ngôi nhà chính tự cất có diện tích 101,75m² để làm nhà từ đường. Hiện vợ tôi là bà D và đưa con gái tên H chưa có gia đình ở với vợ chồng tôi, phần đất còn lại là của vợ chồng tôi dưỡng già. Nhà từ đường là để sau này khi cha mẹ trăm tuổi già thì ngôi nhà đó để con cháu tập trung cúng giỗ.

Mẹ bà H là bà D (chết năm 2016), không để lại di chúc. Sau khi cha, mẹ chết, các anh, chị, em trong gia đình có bàn bạc để chia nhà, đất do cha, mẹ để lại nhưng ông V không đồng ý.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia phần di sản thừa kế là phần diện tích còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004) theo pháp luật thành 04 phần bằng nhau, trong đó bà H được hưởng 01 phần. Đối với phần di sản là nhà thờ tộc, bà H yêu cầu giao cho ông Q quản lý sử dụng và nhận giá trị bằng hiện vật, đồng thời đồng ý cắt bề ngang 2,5 mét, bề dài thẳng theo chiều dài của thửa đất liền kề với thửa đất mà bị đơn ông V đang quản lý, sử dụng chia cho ông V. Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Ngô Cự V trình bày: Ông V thống nhất về quan hệ nhân thân và nguồn gốc nhà, đất do cha, mẹ để lại như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Ông V yêu cầu Tòa án chia di sản mà ông được nhận theo đúng như di chúc mà cha ông để lại cho ông phần đất: Ngang 10,5m x dài 25,6m. Ngoài ra ông V không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Minh L có bà Nguyễn Thị Hồng Y là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà L yêu cầu chia phần di sản thừa kế là phần diện tích còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật thành 04 phần bằng nhau. Phần di sản mà bà L được nhận bà L sẽ tặng cho bà H. Đối với phần di sản là nhà thờ tộc, bà L đồng ý giao lại nhà cho ông Q và nhận phần thừa kế của mình bằng tiền, đồng thời đồng ý cắt bề ngang 2,5 mét, bề dài thẳng theo chiều dài của thửa đất liền kề với phần nhà đất ông V đang quản lý, sử dụng chia cho ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Cự Q có bà Nguyễn Thị Hồng Y là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Q yêu cầu chia phần di sản thừa kế là phần diện tích còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật thành 04 phần bằng nhau và giao cho ông phần nhà đất đúng theo thực tế mà ông đang sử dụng. Đối với phần di sản là nhà thờ tộc, ông Q yêu cầu nhận nhà và trả lại phần di sản mà bà H, bà L được nhận bằng tiền và đồng ý cắt bề ngang 2,5 mét, bề dài thẳng theo chiều dài của thửa đất liền kề với thửa đất mà ông V đang quản lý, sử dụng chia cho ông V.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên di chúc ngày 5/12/2007 do ông B lập vô hiệu một phần do ông B lập di chúc mà không có sự định đoạt của bà D. Nguyên đơn yêu

cầu Tòa án chia phần di sản thừa kế là phần diện tích còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyền số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004) theo pháp luật thành 04 phần bằng nhau, trong đó, bà H sẽ được hưởng một phần. Nguyên đơn yêu cầu được nhận phần nhà thờ vì đó là di nguyện của ông Ngô B trước khi mất để lại. Ngôi nhà thờ trên sau này sẽ là nơi để con cháu tập trung cúng giỗ cho ông, bà và nguyên đơn không yêu cầu chia ngôi nhà thờ trên. Đối với ý kiến của bà L và ông Q thì nguyên đơn không có ý kiến gì. Riêng đối với phần diện tích ông V đang quản lý sử dụng theo di chúc ông V được hưởng là $10,5 \times 25,6 = 268,8 \text{ m}^2$. Tuy nhiên khi đo đạc thực tế có diện tích là $299,8 \text{ m}^2$ là đã có lợi cho ông V. Tuy nhiên, để giữ tình chị em trong gia đình nguyên đơn đề nghị giao phần diện tích đất theo hiện trạng mà các bên đang quản lý, sử dụng.

Bị đơn ông V vẫn giữ nguyên ý kiến và không trình bày gì thêm.

Đại diện theo ủy quyền cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L và ông Q đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L sẽ tặng cho phần di sản mà bà L được nhận cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà L và ông Q đồng ý giao phần nhà thờ diện tích đo đạc thực tế còn lại là $275,7 \text{ m}^2$ cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên. Bà L, ông Q không yêu cầu bà H bồi trả giá trị chênh lệch. Đối với phần diện tích đất thực tế mà ông V đang quản lý, sử dụng theo di chúc và hiện trạng thực tế đã có lợi cho ông V nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho các bên theo đúng hiện trạng thực tế mà các bên đang quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 271/2024/DS-ST ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu, nộp án phí, lệ phí,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.1] Chia phần di sản thừa kế là phần diện tích còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyền số 5, trang 116 do UBND

huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004) theo pháp luật cụ thể như sau:

[1.1.1] Tạm giao cho bà Ngô Thị H phần đất đang quản lý, sử dụng có diện tích là 403,5m² tại thửa đất cũ 515, 518, 575, thửa phân chiết 515-1, 515-2, 518-1, 575-1. (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (1); (2); (3); (4); (5); (6); (7); (8) theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004).

[1.1.2] Tạm giao cho ông Ngô Cự V phần đất đang quản lý, sử dụng có diện tích là 299,8m² tại thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-2 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (9); (10); (11); (12); (13) theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004).

[1.1.3] Tạm giao cho ông Ngô Cự Q phần đất có diện tích 193,8m² thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-4 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (18); (19); (20); (21) theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004).

[1.1.4] Giao cho bà Ngô Thị H phần đất nhà thờ có diện tích 275,7m² thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-3 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (14); (15); (16); (17) theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004) để thực hiện việc thờ cúng ông, bà tổ tiên.

[1.1.5] Buộc ông Ngô Cự V cùng vợ và các con giao phần đất nhà thờ có diện tích 275,7m² thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-3 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (14); (15); (16); (17) theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSĐĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004) cho bà Ngô Thị H để thực hiện việc quản lý thờ cúng theo quy định của pháp luật.

Phần đất các bên được tạm giao, các bên được quyền quản lý, sử dụng cho đến khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi, giải tỏa đền bù hoặc nhà nước có thay đổi quy hoạch chính sách mới sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện các phần nội dung của Quyết định nêu trên được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. (Theo bản vẽ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở T trường Thành phố H duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023. Địa chỉ tại 3 ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSĐĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004) cho bà Ngô Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/5/2024, ông Ngô Cự V là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản của cha mẹ ông để lại theo di chúc của ông B lập ngày 05/12/2007.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Y là người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị H (là nguyên đơn) không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Ông Ngô Cự V là bị đơn không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Với tư cách là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà Ngô Thị Minh L, Ngô Cự Q, bà Y không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông V. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, các đương sự trình bày như sau:

1. Ông V: Di chúc ngày 05/12/2007 của ông B đã chia phần đất còn lại đều cho các con, trong đó phần ông được 10,5m x 25,6m. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia theo đúng di chúc của ông B để lại.

2. Bà Y: Không đồng ý với kháng cáo của ông V. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông V làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên toà, các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn xét xử phúc thẩm.

3. Về yêu cầu kháng cáo của ông V: Phần đất đang tranh chấp là tài sản chung của ông B và bà D trong thời kỳ hôn nhân nên việc ông B để lại di chúc định đoạt toàn bộ khối tài sản này là không đúng pháp luật. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Ngô Cự V làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 12/12/2022, bà H khởi kiện ông V yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ để lại (cha là ông Ngô B chết ngày 11/11/2014, mẹ là bà Đặng Thị Diệu C năm 2016) là thửa đất số 575, tờ bản đồ số 6, (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) diện tích đo đạc thực tế còn lại là 1.172,8m², tọa lạc tại số C ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSĐĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biến động này 30/12/2004). Trong vụ án này bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Nhật Bản. Đây là vụ kiện tranh chấp thừa kế, có đương sự đang cư trú tại nước ngoài. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông V và xét bản án sơ thẩm, nhận thấy:

[3.1] Về việc xác định di sản thừa kế: Ông B (chết năm 2014) và bà D (chết năm 2016) là vợ chồng hợp pháp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSĐĐ, quyển số 5, trang 116 do UBND huyện H cấp cho ông B ngày 11/9/2000. Do đó, đây là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà D theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000.

[3.2] Về yêu cầu hủy di chúc do ông Ngô B lập ngày 05/12/2007 của bà H:

Bà H bổ sung yêu cầu khởi kiện này sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nên bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ theo quy định tại Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, nhận thấy bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, chia di sản của ông B, bà D theo pháp luật và theo thực tế sử dụng. Do đó, cần thiết phải xem xét yêu cầu này của bà H nhằm giải quyết triệt để vụ án.

Xét thấy, di chúc này được lập thành văn bản, được Chủ tịch UBND xã X, huyện H chứng thực số 38, quyển số 02/TP/CC-SCT/HĐGD ngày 05/12/2007 nên có hình thức phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 652, Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tuy nhiên, giữa Di chúc của ông B, Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ lập ngày 16/8/2023 và các văn bản trả lời về quy hoạch của UBND huyện H có những khác biệt như sau:

- Về diện tích: Theo đo đạc thực tế thì tổng diện tích đất (kể cả nhà thờ) chỉ là 1.172,8m², do đó theo quy định của pháp luật thì ông B chỉ có quyền định đoạt ½ diện tích đất này là 586,4m². Tuy nhiên, theo di chúc, kể cả diện tích đất có nhà thờ (101,75m²), ông B để lại cho bà L và bà H mỗi người 113,4m² (có cùng kích thước 8,1m x 14m), ông Q và ông V 268,8m² (cùng kích thước 10,5m x 25,6m), tổng cộng là 866,15m². Như vậy, ông B đã định đoạt vượt phần tài sản của ông trong tài sản chung với bà D 279,75m².

- Về chiều rộng đất: Theo Bản đồ hiện trạng vị trí thì tổng chiều rộng của thửa đất là 34,4m, nhưng di chúc của ông B định đoạt là 37,2m (chưa kể nhà thờ). Như vậy, ông B đã định đoạt chiều rộng của thửa đất vượt 2,8m.

- Về quy hoạch: Theo thông tin quy hoạch được cung cấp thì diện tích đất mà ông B di chúc cho mỗi người con không đủ điều kiện để tách thửa, thuộc quy hoạch đất giáo dục.

Như vậy, di chúc của ông B có diện tích, chiều rộng không phù hợp với thực tế đất và không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, tức di chúc này có phần không hợp pháp.

Tại khoản 4 Điều 667 Bộ luật Dân sự 2005 quy định “*Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật*”.

So sánh diện tích đất theo di chúc, diện tích đất theo thực tế, quy hoạch và điều luật vừa viện dẫn cho thấy phần không hợp pháp theo di chúc của ông B có ảnh hưởng trực tiếp, toàn diện đến các phần còn lại của di chúc, dẫn đến

việc di chúc không thể thực hiện được trên thực tế. Do đó, cần phải huỷ di chúc này, để chia di sản theo pháp luật.

[3.3] Việc xác định hàng thừa kế: Ông B, bà D có 04 người con chung là các ông bà H, L, Q và V; ngoài ra không có con riêng, con nuôi; cha mẹ ông B, bà D đều mất trước ông B, bà D; do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông B, bà D gồm các ông bà L, H, Q và V.

[3.4] Về phân chia di sản:

[3.4.1] Theo quy định của pháp luật, khi di chúc vô hiệu thì di sản sẽ được chia theo pháp luật. Tuy nhiên, nhận thấy:

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện trên thực tế phần đất được chia thành 04 khu riêng biệt gồm: Khu đất do bà H quản lý, sử dụng có diện tích 403,5m²; khu do ông V trực tiếp quản lý sử dụng có diện tích là 299,8m²; khu nhà thờ diện tích là 275,7m² và khu do ông Q quản lý sử dụng có diện tích là 193,8m². Do đó, diện tích thực tế mà các bên đang quản lý, sử dụng và diện tích đất theo nội dung di chúc là hoàn toàn khác nhau.

Căn cứ vào biên bản xác minh về điều kiện tách thửa và thông tin quy hoạch theo Công văn số 33/UBND-TNMT ngày 3/01/2024 của UBND huyện H, thì nếu chia 1.172,8m² thành 04 kỷ phần thì mỗi kỷ phần cũng sẽ không đủ điều kiện để tách thửa. Do đó, bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế do ông B và bà D để lại theo quy định của pháp luật trên cơ sở hiện trạng thực tế mà các bên đang sử dụng là có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích cho các hàng thừa kế cũng như tình hình đất quy hoạch tại địa phương.

[3.4.2] Xét thấy, bà L có nguyện vọng tặng phần di sản mà bà được hưởng cho bà H; đồng thời diện tích phần đất của bà H hiện tại đang sử dụng có 01 căn nhà cấp 4, do bà H xây dựng (từ căn nhà có trước 2004), tại thửa đất 575-1, tổng diện tích 403,5m². Do đó, bản án sơ thẩm tạm giao cho bà H 403,5m² này là có căn cứ.

[3.4.3] Bản án sơ thẩm tạm giao cho ông V 299,8m² tại thửa đất 575-2, trên đất có mái nhà do Nhà nước cấp (theo Quyết định số 167/QĐUB ngày 24/4/1997) và ông V xây nhà tiền chế trên cơ sở nhà tình nghĩa là có diện tích lớn hơn so với di chúc, được các đồng thừa kế khác đồng ý và có lợi cho ông V.

[3.4.4] Do ông Q yêu cầu được nhận phần đất đúng theo thực tế 193,8m² thuộc thửa 575-4, nên bản án sơ thẩm tạm giao phần đất này cho ông Q là phù hợp với thực tế sử dụng và nguyện vọng của ông Q.

[3.4.4] Đối với nhà từ đường: Nhà từ đường này do ông B xây dựng tại thửa 575-3, có diện tích 101,75m² (đo đạc thực tế là 275,7m²). Nguyện vọng của ông B lúc còn sống là làm nhà từ đường. Diễn biến tại phiên toà sơ thẩm cho thấy, ông Q và người đại diện hợp pháp của bà H, bà L đều thống nhất giao cho H quản lý. Do đó, bản án sơ thẩm giao nhà từ đường cho bà H trực

tiếp quản lý là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Phần quyết định của bản án chưa đầy đủ, chưa thật sự cụ thể nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy tại cấp phúc thẩm, ông V không xuất trình được chứng cứ mới so với cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông V là không có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo nhận định trên đây.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông V không phải nộp.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Cự V. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 271/2024/DS-ST, ngày 13/5/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 652, Điều 653, khoản 4 Điều 667 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 623, Điều 645, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu, nộp án phí, lệ phí,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.

[1.1] Huỷ Di chúc do ông Ngô B lập ngày 05/12/2007, được UBND xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực số 38 quyền số 02/2007 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 05/12/2007.

[1.2] Xác định di sản của ông Ngô B và bà Đặng Thị D là phần đất còn lại của thửa số 575, tờ bản đồ số 6 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51), có diện tích đo đạc thực tế là 1.172,8m²; tọa lạc tại số C ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P074708, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 881QSDĐ, quyền số 5, trang

116 do UBND huyện H cấp ngày 11/9/2000, cập nhật biên động này 30/12/2004.

[1.3] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngô B và bà Đặng Thị Diệu G các ông bà Ngô Thị H, Ngô Thị Minh L, Ngô Cự Q và Ngô Cự V.

[1.4] Chia di sản được nêu ở mục [1.2] như sau:

[1.4.1] Tạm giao cho bà Ngô Thị H phần đất đang quản lý, sử dụng có diện tích 403,5m² tại thửa đất cũ 515, 518, 575, thửa phân chiết 515-1, 515-2, 518-1, 575-1. (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (1); (2); (3); (4); (5); (6); (7); (8).

[1.4.2] Tạm giao cho ông Ngô Cự V phần đất đang quản lý, sử dụng có diện tích là 299,8m² tại thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-2 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (9); (10); (11); (12); (13).

[1.4.3] Tạm giao cho ông Ngô Cự Q phần đất có diện tích 193,8m² thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-4 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (18); (19); (20); (21).

[1.4.4] Giao cho bà Ngô Thị H phần đất nhà từ đường có diện tích 275,7m² thửa cũ 575, thửa phân chiết 575-3 (số thửa mới 159, tờ bản đồ số 51) tại các vị trí số (14); (15); (16); (17) để dùng vào việc thờ cúng.

[1.4.5] Buộc ông Ngô Cự V cùng vợ và các con giao phần đất quy định tại mục [1.4.4] nêu trên cho bà Ngô Thị H để dùng vào việc thờ cúng.

* Các phần đất quy định từ mục [1.4.1] đến mục [1.4.5] được xác định theo Bản vẽ hiện trạng vị trí - áp ranh số 109478/TTĐĐBĐ-CNHM do Trung tâm đo đạc bản đồ (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H) duyệt kiểm tra nội nghiệp ngày 16/8/2023.

[1.5] Các đương sự có quyền quản lý, sử dụng đối với các phần đất được tạm giao, cho đến khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi, giải tỏa đền bù hoặc Nhà nước có thay đổi quy hoạch mới sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[1.6] Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Cự V không phải nộp. Trả cho ông V 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 4994 ngày 12/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Khoa